TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2024
V/v tranh chấp: "Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC -TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và ông Trần Văn Học

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Ông Lưu Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 295/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Khương Thị Hoàng Y, sinh năm 1995. Có mặt

HKTT: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

* Bị đơn: Anh Trần Tiến Đ, sinh năm 1995. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn chị Khương Thị Hoàng Y trình bày: Chị và anh Trần Tiến Đ kết hôn ngày ngày 14/7/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống chung với gia đình anh Đ tại thôn T, xã T. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2021 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, chị phát hiện anh Đ có tình cảm với người khác dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Tiến Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu là Trần Đăng M, sinh ngày 19/01/2018 và Trần Minh K, sinh ngày 08/7/2021. Hiện tại cháu M đang ở cùng anh Đ và ông bà nội còn cháu K đang ở cùng chị Y. Ly hôn, chị xin nuôi cả hai con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị đang là giáo viên trường THCS H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, thu nhập theo bảng lương biên chế và dạy chuyên đề là 15.000.000đ/tháng. Ngoài ra, chị còn tham gia dạy thêm giao tiếp tiếng Anh tại các trung tâm ở Hà Nội, thu nhập khoảng 12.000.000đ/tháng. Hiện tại chị đang ở cùng bố mẹ chị ở quận L, Thành phố Hà Nội. Về chỗ ở đảm bảo cho chị và các con chị ăn ở sinh hoạt.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ, công sức, đất canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Tiến Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.

* Ông Trần Văn B, là bố đẻ anh Đ trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng như chị Y trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì ông không nắm được, ông chỉ thấy anh chị không ăn ở với nhau nữa. Nay chị Y có đơn ly hôn, anh Đ có biết, do anh bận công việc nên anh không đến Tòa án giải quyết, quan điểm của anh là chị Y có chung sống được với anh không là do chị Y. Anh không có ý kiến gì. Về con chung, chị Y và anh Đ có 02 con chung hiện cháu M đang ở với anh Đ, cháu K đang ở với chị Y. Ly hôn anh Đ xin nuôi cháu M để chị Y tiếp tục nuôi cháu K.

* Xác minh tại xã T thể hiện: Anh Trần Tiến Đ và chị Khương Thị Hoàng Y có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vào số sổ đăng ký số 37/2017 ngày 14/7/2017.

Sau khi kết hôn, chị Y về làm dâu gia đình anh Đ. Tình cảm vợ chồng đầm ấm hành phúc nên có 02 con chung. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được.

Về con chung: Anh Đ và chị Y có hai người con chung là Trần Đăng M, sinh ngày 19/01/2018 và Trần Minh K, sinh ngày 08/7/2021.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, bị đơn không đến Tòa án để làm việc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Khương Thị Hoàng Y, xử cho chị Khương Thị Hoàng Y ly hôn anh Trần Tiến Đ; Về con chung: Giao cháu Trần

Đăng M, sinh ngày 19/01/2018 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc; giao cháu Trần Minh K, sinh ngày 08/7/2021 cho chị Y chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; anh Đ, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Y có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, anh Đ hiện trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Tiến Đ nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị Khương Thị Hoàng Y và anh Trần Tiến Đ được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Y về ăn ở chung cùng anh Đ và gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Y trình bày là do vợ chồng bất đồng đoan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Từ khi sống ly thân đến khi Tòa án giải quyết, xét xử, giữa hai bên không có sự quan tâm, hàn gắn tình cảm với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần, nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc không có lý do. Xét thấy, hôn nhân của chị Y và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Y, cho chị Y ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Y và anh Đ có 02 con chung là cháu Trần Đăng M, sinh ngày 19/01/2018 và Trần Minh K, sinh ngày 08/7/2021. Hiện tại cháu M đang ở cùng anh Đ và ông bà nội còn cháu K đang ở cùng chị Y. Ly hôn chị Y xin nuôi cả hai con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh Đ mặc dù không đến Tòa án để làm việc nhưng có ý kiến để anh tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu M, chị Y tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu K. Xét thấy: Hiện tại cả chị Y và anh Đ đều đủ điều kiện đảm bảo cho sự pháp triển sinh hoạt, học tập

cho các con. Chị Y xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con nhưng cũng không đưa ra được căn cứ xác định nếu giao cháu M cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến việc phát triển của cháu. Tại phiên tòa, chị Y xác nhận hiện cháu M được ông bà cho đi học tại trường mầm non xã T và phát triển bình thường. Vì vậy, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của các cháu, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, cần giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K; anh Đ, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không đến Tòa án để làm việc nên không có yêu cầu, đề nghị gì, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Y xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Khương Thị Hoàng Y được ly hôn anh Trần Tiến Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Khương Thị Hoàng Y được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Minh K, sinh ngày 08/7/2021; giao cho anh Trần Tiến Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc Trần Đăng M, sinh ngày 19/01/2018. Anh Đ, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Khương Thị Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003136 ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị Y đã thực hiện xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Khương Thị Hoàng Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Tiến Đ có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hưng